

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÙ CÁT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/01/2024.

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Phan Thanh Long

2. Ông: Tô Đình Phương

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1995 – Địa chỉ: Thôn Tường S, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định*

-*Bị đơn: Anh Phạm Hồng Th, sinh năm 1993 – Địa chỉ: Thôn An Đ, xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.*

Nay chị Q có mặt, anh Th vắng mặt tại phiên Tòa lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:*

-Về hôn nhân: Chị Q và anh Phạm Hồng Th có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 21/12/2022 - Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống tại gia đình chồng ở thôn An Đ, xã Cát Tr, huyện Phù C. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 05 tháng nhưng xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th sống không có lập trường, nghe lời cha mẹ, không quan tâm đến đến vợ; anh Th đi làm nhưng tiền bạc về không đưa cho chị để trang trải cuộc sống vợ chồng, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị ở từ tháng 07/2023 dương lịch đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tình cảm giữa chị và anh Th không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hồng Th.

-Về con chung: Chị và anh Th không có con chung.

-Về tài sản chung vợ chồng: Chị và anh Th không có tài sản chung.

-Án phí ly hôn: Chị tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 23/11/2023 – bị đơn anh Phạm Hồng Th trình bày:*

-Về hôn nhân: Anh Th và chị Trần Thị Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 21/12/2022 - Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, đến tháng 7/2023 anh và chị Q bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q thường xuyên về nhà cha mẹ ruột mặc dù anh không đồng ý, vợ chồng sống không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị Q không còn tình cảm nên chị Q gửi đơn yêu cầu ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh và chị Q không có con chung.

-Về tài sản chung vợ chồng: Anh yêu cầu chị Q trả lại cho anh 12 triệu đồng tiền cưới và 02 chiếc nhẫn đính hôn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-Về phần thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh Phạm Hồng Th. Anh Th yêu cầu Tòa giải quyết phân chia tài sản nhưng không làm đơn yêu cầu phản tố, không nộp tiền tạm ứng án phí khởi kiện phân chia tài sản theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị HĐXX buộc chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:*

-“Giấy chứng nhận kết hôn” giữa chị Trần Thị Q – anh Phạm Hồng Th (bản chính); căn cước công dân của chị Trần Thị Q (bản sao); bản tự khai của chị Q, anh Th và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Xét về mặt tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện ly hôn giữa chị Q – anh Th, Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn anh Phạm Hồng Th theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa (lần 1, lần 2) nhưng anh Th chỉ đến Tòa 01 lần làm bản tự khai, sau đó không đến Tòa nữa, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của đương sự là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Th phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung vụ án:

[a] Xét yêu cầu của chị Q yêu cầu được ly hôn anh Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Trần Thị Q – anh Phạm Hồng Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 21/12/2022 – Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đối chiếu theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa chị Q – anh Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn chị Q – anh Th chung sống với nhau được khoảng 05 tháng thì vợ chồng đã xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Qua lời trình bày của các bên đương sự, HĐXX xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q – anh Th là do bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, chị Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 7/2023 dương lịch đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Q – anh Th đã thực sự đến mức trầm trọng, không thể nào khắc phục, hàn gắn để chung sống với nhau được nữa nên căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 – HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh Phạm Hồng Th.

[b] Về quan hệ con chung: HĐXX xác định giữa chị Q – anh Th không có con chung.

[c] Về quan hệ tài sản chung: Chị Q xác định giữa chị Q – anh Th không có

tài sản chung. Anh Th có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa anh và chị Q nhưng không làm đơn khởi kiện yêu cầu phân tố, không nộp tiền tạm ứng án phí khởi kiện phân chia tài sản nên HĐXX không xét.

[d] *Án phí ly hôn*: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị về hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Q, cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Phạm Hồng Th.

2. *Về quan hệ con chung*: Giữa chị Q – anh Th không có con chung.

3. *Về quan hệ tài sản chung giữa chị Q – Th*: Hội đồng xét xử không xét.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

+ *Án phí ly hôn*: Buộc chị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006640 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ, chị Q đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Q có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Th vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Cát Tr, huyện Phù C, tỉnh Bình Định nơi anh Th cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;*
- VKSND huyện Phù Cát;*
- VKSND tỉnh Bình Định;*
- TAND tỉnh Bình Định;*
- Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;*
- UBND xã Cát Tr, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;*
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp